TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-10-2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Hiếu, ông Nguyễn Tiến Dũng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2023 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị S - sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Tạ Xuân K - sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Xuân K đăng ký kết hôn ngày 20/7/1998 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K hay chơi bời, không chịu làm và có quan hệ bất chính với người con gái khác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị và mẹ đẻ của anh K đã khuyên giải anh K nhiều lần nhưng anh K không thay đổi tính cách và không chấm dứt mối quan hệ bất chính với người con gái khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh K làm nghề lái xe ô tô thuê nên thường xuyên đi làm xa nhà, khi anh K về nhà thì không quan tâm đến gia đình mà còn tiếp tục có quan hệ bất chính với người con gái khác. Thu nhập hàng tháng của anh K là anh K tự chi tiêu, không đưa cho chị khoản tiền nào để chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình, toàn bộ chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình là tiền lương của chị. Hiện nay chị và anh K đang sống ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực S không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Xuân K.

Con chung: Chị và anh Tạ Xuân K có 02 con chung là Tạ Xuân H - sinh ngày 25/10/2009 và Tạ Xuân D - sinh ngày 25/5/2014. Chị làm công nhân của khu Công nghiệp Thụy Vân, tiền lương khoảng 5.000.000 đồng/tháng, sau khi ly hôn thì chị về ở với bố mẹ đẻ của chị nên chị không có khả năng nuôi hai con. Khi ly hôn chị nhận nuôi con chung là Tạ Xuân D, không đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung là Tạ Xuân H để anh K chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tài sản chung: Chị và anh Tạ Xuân K không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị và anh Tạ Xuân K có nợ nhưng tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Công sức đóng góp gia đình: Chị và anh Tạ Xuân K không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Xuân K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị S đăng ký kết hôn ngày 20/7/1998 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị S cho rằng anh có quan hệ bất chính với người con gái khác, anh có trao đổi với chị S về mối quan hệ của anh với những người con gái chỉ là quan hệ bạn bè, thực tế trong cuộc sống hàng ngày là anh đầu tư mua xe ô tô để kinh doanh nhưng kinh doanh không hiệu quả dẫn đến phải bán xe ô tô, khi mua xe ô tô là phải vay mượn một số người, khi bán xe ô tô là bán lỗ nên không đủ tiền trả cho những người đã cho vay. Hiện nay anh đang lái xe ô tô thuê nên tiền lương một tháng khoảng 19.000.000 đồng

đến 20.000.000 đồng, lý do tiền lương của anh không đưa cho chị S là vì anh lấy tiền lương này trả cho những người đã cho anh vay tiền. Do tính chất công việc của anh là lái xe thuê nên thường xuyên phải đi làm xa nhà, từ việc anh không đưa tiền lương cho chị S và anh thường xuyên đi làm xa nhà nên chị S lấy lý do này để ghen tuông. Do anh làm ăn thua lỗ nhưng mẹ đẻ của anh không chia sẻ mà còn mắng chửi anh dẫn đến anh bức xúc trong cuộc sống hàng ngày. Hiện nay anh và chị S vẫn sống chung một nhà nhưng chị S không quan tâm đến anh, thậm chí có những lần anh đi làm về thì chị S không quan tâm đến anh dẫn đến anh buồn chán và ra ngoài xe ô tô để ngủ sau đó anh đi làm luôn. Nay chị Trần Thị S xin ly hôn thì anh xin đoàn tụ, nếu chị S cương quyết xin ly hôn thì anh nhất trí nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị S.

Con chung: Anh và chị Trần Thị S có 02 con chung là Tạ Xuân H - sinh ngày 25/10/2009 và Tạ Xuân D - sinh ngày 25/5/2014. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh nhận nuôi 02 con chung, không đề nghị chị S cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị S nhận nuôi một con thì anh nhất trí nhưng anh được nuôi cháu D còn chị S nuôi cháu H.

Tài sản chung: Anh và chị Trần Thị S không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh và chị Trần Thị S có nợ nhưng tự giải quyết, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Công sức đóng góp gia đình: Anh và chị Trần Thị S không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Tạ Xuân K, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Chị Trần Thị S và anh Tạ Xuân K đăng ký kết hôn năm 1998 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện và được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng chị S anh K sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K có quan hệ bất chính với người con gái khác, gia đình anh K đã trực tiếp gặp người con gái đó để yêu cầu chấm dứt mối quan hệ bất chính với anh K, khi đến thì có anh K đang ở đó nên người con gái này đã biểu hiện tình cảm với anh K trước mặt gia đình anh K. Anh K làm nghề lái xe thuê nên thường xuyên đi làm xa nhà. Hiện nay chị S và anh K vẫn sống chung một nhà nhưng hai bên không quan tâm đến nhau.

Vợ chồng chị S anh K có 02 con chung là Tạ Xuân H - sinh ngày 25/10/2009 và Tạ Xuân D - sinh ngày 25/5/2014.

Vợ chồng chị S anh K không có tài sản chung, không nợ ai và không có công sức đóng gia đình.

Nay chị S xin ly hôn anh K thì quan điểm của gia đình anh K là mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, nếu chị S cương quyết xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn anh K, vì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh K gây ra. Nếu vợ chồng chị S anh K ly hôn thì giao 02 con cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vì anh K thường xuyên đi làm xa nhà.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân S trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân S, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân S. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S về việc xin ly hôn anh Tạ Xuân K. Xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Tạ Xuân K.

Về con chung: Giao con chung là Tạ Xuân D - sinh ngày 25/5/2014 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là Tạ Xuân H - sinh ngày 25/10/2009 cho anh Tạ Xuân K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì không ai yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết vì không ai yêu cầu

Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Tạ Xuân K là bị đơn hiện cư trú tại xã Thạch Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Chị Trần Thị S xin ly hôn anh Tạ Xuân K nên Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Anh Tạ Xuân K là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp và vẫn vắng mặt phiên tòa lần hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân S, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt anh Tạ Xuân K là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Tạ Xuân K đăng ký kết hôn ngày 20/7/1998 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh K là hợp pháp. Vợ chồng chị S anh K sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K có quan hệ bất chính với người con gái khác, hiện nay chị S và anh K đang sống ly thân nên không quan tâm đến nhau, kinh tế của chị S và anh K là riêng biệt nên không có S phát triển kinh tế chung. Mặc dù chị S xin ly hôn thì anh K xin đoàn tụ nhưng chị S cương quyết xin ly hôn thì anh K nhất trí. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh K là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S xin ly hôn anh K là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử cho chị S được ly hôn anh K là phù hợp. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S về việc xin ly hôn anh Tạ Xuân K nên xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Tạ Xuân K.

[3] Con chung: Chị Trần Thị S và anh Tạ Xuân K có 02 con chung là Tạ Xuân H - sinh ngày 25/10/2009 và Tạ Xuân D - sinh ngày 25/5/2014. Khi ly hôn chị S và anh K đều đề nghị mỗi người được nuôi một con chung nhưng không thống nhất được ai nuôi con nào, còn cháu H và cháu D đều có nguyện vọng được ở với chị S. Xét thấy cháu H và cháu D đều là con trai, hiện cháu H đã lớn nên phát triển tâm sinh lý hơn cháu D, khả năng tự học và tự chăm sóc bản thân là cháu H hơn cháu D, anh K thường xuyên đi làm xa nhà nên ít có thời gian chăm sóc con. Để đảm bảo về chăm sóc, giáo dục con và S phát triển tâm sinh lý của từng con, giao con chung là Tạ Xuân D cho chị S chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là Tạ Xuân H cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4] Cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị S và anh K không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] Tài sản chung: Xét thấy chị S và anh K không đề nghị giải quyết nên không giải quyết.

[6] Nợ chung: Xét thấy chị S và anh K không đề nghị giải quyết nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập của cá nhân hoặc pháp nhân nào về việc yêu cầu vợ chồng chị S, anh K trả lại tài sản. Vì vậy, không giải quyết nợ chung giữa chị S và anh K.

[7] Công sức đóng góp gia đình: Xét thấy chị S và anh K không đề nghị giải quyết nên không giải quyết.

[8] Án phí ly hôn: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân S, chị S phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân S. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S về việc xin ly hôn anh Tạ Xuân K. Xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Tạ Xuân K.

3. Về con chung: Giao con chung là Tạ Xuân D - sinh ngày 25/5/2014 cho chị Trần Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là Tạ Xuân H - sinh ngày 25/10/2009 cho anh Tạ Xuân K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không giải quyết vì không ai yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0002504 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Chị Trần Thị S đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Đương S có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Khắc Chiên